

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2019

*V/v tranh chấp hôn nhân*

*và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Thành Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Vĩnh.

2. Bà Lê Thị Thu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm T (nay là thôn C), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1975;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T (nay là thôn C), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù tại phân trại 1, trại giam Nam Hà.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T; anh T xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2018 bản tự khai, lời khai, nguyên đơn chị Lý Thị T, lời khai của của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh T lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 10/6/2005.

Theo chị T, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T nghiện ma túy, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, giao du với những đối tượng xấu làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Nhiều lần chị T và gia đình khuyên bảo anh T đi cai nghiện nhưng không được. Đến tháng 11/2006 anh T bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành Phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đến tháng 10/2016 anh Thịnh tiếp tục bị bắt đi tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xử phạt 09 năm tù, hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù tại phân trại 1, trại giam Nam Hà. Quá trình chung sống anh T không giúp đỡ gì chị T trong công việc gia đình, nuôi dạy con cái mà còn có những lời lẽ thô tục mắng chửi và đánh chị T nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nhiều lần, chị T phải bỏ nhà bỏ mẹ đẻ chị sinh sống, từ tháng 8/2016 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Theo anh T, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do anh T nghiện ma túy không cai nghiện được nên cuộc sống của vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Từ tháng 8/2016 chị T tự ý bỏ đi khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị T xin ly hôn anh T không đồng ý.

- *Về con*: Chị T, anh T đều xác định: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đức N, sinh ngày 04/10/2006 và cháu Bùi Diệp A, sinh ngày 29/01/2011.

Nếu ly hôn, chị T, anh T đều có quan điểm: Giao cả hai cháu N và cháu A cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Chị T và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

\* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lý Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh T. Về con chung: Chị T đề nghị giao hai cháu Bùi Đức N, sinh ngày 04/10/2006 và cháu Bùi Diệp A, sinh ngày 29/01/2011 cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn giữa chị Lý Thị T và anh Bùi Văn T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Bùi Đức N, sinh ngày 04/10/2006 và cháu Bùi Diệp A, sinh ngày 29/01/2011 cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Bùi Văn T xin xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 10/6/2005 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy. Từ tháng 8/2016 cho đến nay chị T và anh T sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T là hoàn toàn phù hợp với thực tế và pháp luật.

[3] Về con: Chị T, anh T có 02 con chung là cháu Bùi Đức N, sinh ngày 04/10/2006 và cháu Bùi Diệp A, sinh ngày 29/01/2011. Các đương sự đều có quan điểm giao cả hai cháu N và cháu A cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T; Mặt khác, cháu A và cháu N đều có nguyện vọng ở với chị T; anh T đang chấp hành án phạt tù nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Đức N, sinh ngày 04/10/2006 và cháu Bùi Diệp A, sinh ngày 29/01/2011 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lý Thị T và anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức N, sinh ngày 04/10/2006 và cháu Bùi Diệp A, sinh ngày 29/01/2011 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

3. Về án phí: Chị Lý Thị T phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, đối trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2010/04051 ngày 03 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa (chị T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (anh T) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS L;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## **Đình Thành Nam**